TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09-3-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàng Hân và ông Nguyễn Duy Tân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 150/2025/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Hồng C, sinh ngày 01/01/1983 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 096183016323.

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Anh Lê Thanh T, sinh ngày 08/7/1984 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 075084023766.

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng C trình bày:* Chị và anh Lê Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/5/2012. Vợ chồng chung sống đến thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng nhiều quan điểm, anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải, công việc trong gia đình không có sự phụ giúp lẫn nhau, thời gian diễn ra lâu dần làm cho vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng. Việc bất đồng, mâu thuẫn được vợ chồng nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không thành dẫn đến cuộc sống vợ chồng rơi vào bế tắc, áp lực khiến chị mệt mỏi về tinh thần. Nay chị cảm thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Lê Thị Hoàng

Y, sinh ngày 02/01/2013 và Lê Thanh S, sinh ngày 01/01/2017. Sau khi ly hôn hai con có nguyện vọng sống với chị và chị có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó, chị xin nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị C vắng mặt có văn bản xin vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2012 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND xã T, tỉnh Đồng Nai) là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn chị C cho rằng quá trình chung sống anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, không chăm lo cho gia đình, không có sự phụ giúp lẫn nhau trong công việc gia đình, thời gian diễn ra lâu dần làm cho vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị khởi kiện xin ly hôn. Đối với anh T đã biết việc chị C khởi kiện xin ly hôn với anh nhưng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của chị C. Mặt khác, anh T đã được Tòa án thông báo tham gia hòa giải và triệu tập để tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án, cho thấy anh T cũng không muốn hàn gắn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C đặt ra. Như vậy, giữa chị C và anh T đã từ lâu không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ, giúp đỡ nhau và không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là đúng quy định.

[3] Về con chung. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Hoàng Y, sinh ngày 02/01/2013 và Lê Thanh S, sinh ngày 01/01/2017. Sau khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và anh T không phản bác việc yêu cầu nuôi con của chị C. Ngoài ra, nguyện vọng của 02 con được sinh sống với chị C. Do đó, cần giao 02 con cho chị C nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và

gia đình quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Đối chiếu điều luật trên, xét thấy anh T không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị C là có cơ sở được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định pháp luật mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật, thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 09/3/2026 là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung, nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình chị C phải chịu và án phí cấp dưỡng nuôi con anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C. Cho chị Trần Thị Hồng C được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Hoàng Y, sinh ngày 02/01/2013 và Lê Thanh S, sinh ngày 01/01/2017 cho chị Trần Thị Hồng C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Lê Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con định kỳ hàng tháng, mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng (02 con 01 tháng/2.000.000 đồng) cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 09/3/2026.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị C phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0003546 ngày 30/10/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu, chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau;
- UBND xã Thống Nhất, Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Kiên